TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁT TIÊN** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-3-2021
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Sơn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tam;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đỗ Anh Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Ông Phan Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Phương H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn*: Ông Vũ Thành M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Hải có mặt; ông Mười vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Phương H trình bày: Bà H và ông M kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tạu Ủy ban nhân dân xã G, huyện C. Hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã G, huyện C. Trong cuộc sống ông M hay chơi cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình dù bà H đã nhiều lần tha thứ nhưng ông M vẫn không từ bỏ. Nay bà Hải xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H và ông Mười được ly hôn.

Về con chung: Bà H xác đinh có 1 con chung tên Vũ Đức A sinh ngày 22/3/2011 hiện nay con chung đang ở với H, khi ly hôn bà Hải yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông Mười cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Mười đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Mười đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn ông M; giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập; bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên bà H xin ly hôn với với ông M; vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn"* theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M tham gia phiên tòa nhưng ông M vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông M tự nguyện sống chung và kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện C đăng ký kết hôn năm 2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H xin ly hôn vì lý do vợ chồng bất đồng quan điểm hay xảy ra mâu thuẫn, ông M không chăm lo cuộc sống gia đình. Tòa án đã triệu tập ông M để giải quyết vụ án nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông M đã xảy ra các bên không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng mà để mặc mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống như vậy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông M không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà H cho bà H được ly hôn ông M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà H, ông M có 01 con chung tên Vũ Đức Asinh ngày 22/3/2011 hiện nay con chung đang ở với H, khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Con chung có nguyện vọng ở với mẹ vì vậy cần giao con chung cho bà Hải trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương H được ly hôn ông Vũ Thành M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Vũ Đức Asinh ngày 22/3/2011 cho bà Hải trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng cho con: Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Phương H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011533 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng;

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng